

THÔNG BÁO

Về việc tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen cấp tỉnh năm 2021

Kính gửi: Lãnh đạo các Khoa, Phòng, Ban và Trung tâm.

Căn cứ thông báo số 12/TB-KHCN ngày 25/02/2021 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Tây Ninh về việc tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen cấp tỉnh năm 2021, với các danh mục nhiệm vụ bảo tồn nguồn gen như sau:

1. Bảo tồn nguồn gen thực vật

– Bảo tồn và phát triển cây nhân trần tía (*Adenosma bracteosum Bonati*) tại Vườn quốc gia Lò gò – Xa mát, tỉnh Tây Ninh.

2. Bảo tồn nguồn gen động vật

– Bảo tồn nguồn gen 03 loài: Gà lôi hồng tía (*Lophura diardi*); Gà tiền mặt đỏ (*Polyplectron germaini*); Công xanh Việt Nam (*Pavo muticus imperator*) tại Vườn quốc gia Lò gò Xa mát.

Nhà trường trân trọng thông báo và đề nghị các đơn vị phổ biến đến các cán bộ, nhân viên, giảng viên, nhà nghiên cứu có quan tâm đăng ký tham gia. Thành phần hồ sơ đăng ký tham gia xem tại thông báo số 12/TB-KHCN của Sở Khoa học và công nghệ tỉnh Tây Ninh (đính kèm). **Thời gian đăng ký:** gửi về Phòng Quản lý Khoa học & Sau Đại học trước ngày 03/05/2021.

Trân trọng./

Nơi nhận:

- Như trên (thực hiện);
- Lưu.

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Cao Hào Thi

KC - P. OLFH & SPT 1/3/2021

Th

UBND TỈNH TÂY NINH
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 12 /TB-KHCN

Tây Ninh, ngày 25 tháng 02 năm 2021



THÔNG BÁO

Về việc tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen cấp tỉnh năm 2021

Căn cứ Thông tư số 17/2016/TT-BKHCN ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định quản lý thực hiện Chương trình bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 48/2015/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2015 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc ban hành Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 12/2018/QĐ-UBND ngày 7 tháng 5 năm 2018 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 48/2015/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 399/QĐ-UBND ngày 23 tháng 02 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt “Đề án khung nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen cấp tỉnh thực hiện giai đoạn 2021-2015”,

Sở Khoa học và Công nghệ thông báo đến các đơn vị, cá nhân đăng ký tham gia dự tuyển chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen cấp tỉnh năm 2021: “ **Bảo tồn và phát triển cây nhân trần tía (*Adenosma bracteosum Bonati*) tại Vườn quốc gia Lò gò – Xa mát, tỉnh Tây Ninh**”.

1. Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn gồm:

- Đơn đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh (mẫu B1-1-DON);
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động KH&CN của tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có);
- Thuyết minh nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh theo mẫu quy định: mẫu B1-2a-TMĐTCN; (Dự toán kinh phí đề tài thực hiện theo Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 04/5/2016 của UBND tỉnh Tây Ninh);
- Lý lịch hoạt động KH&CN của tổ chức chủ trì: mẫu B1-3-LLTC;
- Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ nhiệm và đăng ký tham gia thực hiện chính nhiệm vụ: mẫu B1-4-LLCN;
- Giấy xác nhận của các tổ chức tham gia phối hợp nghiên cứu: mẫu B1-5-PHNC.

Chi tiết các biểu mẫu liên quan xin truy cập trên website: <http://sokhcn.tayninh.gov.vn> – mục **Đề tài dự án**.

2. Cách thức nộp hồ sơ:

- **Hồ sơ tham gia tuyển chọn:** gồm 13 bộ (trong đó có 01 bộ gốc và 12 bộ sao) được niêm phong, nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở KH&CN tỉnh Tây Ninh trong giờ hành chính hoặc gửi theo đường bưu điện về Sở KH&CN tỉnh Tây Ninh theo địa chỉ:

Phòng Quản lý Khoa học - Sở Khoa học và Công nghệ Tây Ninh

Số 211, đường 30/4, phường 2, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

Điện thoại: **0276.3825849**; Email: **qlkh@tayninh.gov.vn**

- **Ngoài bì thư ghi rõ:** Hồ sơ tham gia dự tuyển chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN về quỹ gen cấp tỉnh năm 2021; Tên đề tài; Tên, địa chỉ đơn vị tham gia dự tuyển chủ trì thực hiện đề tài; Họ và tên của cá nhân đăng ký chủ nhiệm đề tài và danh sách những người tham gia chính thực hiện; Danh mục tài liệu, văn bản có trong hồ sơ.

- **Thời gian nhận hồ sơ:** Kể từ ngày ra thông báo đến **16 giờ 30 phút ngày 10/5/2021**, theo dấu công văn đến của Văn thư Sở KH&CN hoặc dấu bưu điện. Hồ sơ nhận được sau thời hạn trên sẽ không được tham gia tuyển chọn.

Thông tin chi tiết xin liên hệ Phòng Quản lý Khoa học để được hướng dẫn cụ thể. /

Nơi nhận:

- Các Viện, Trường, tổ chức có liên quan;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trang thông tin điện tử Sở KH&CN;
- Lưu: VT; P.QLKH.



GIÁM ĐỐC

Dương Quốc Khánh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 399 /QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 23 tháng 02 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt “Đề án khung nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen cấp tỉnh thực hiện giai đoạn 2021–2025”

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 17/2016/TT-BKHHCN ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý thực hiện Chương trình bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 48/2015/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2015 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 12/2018/QĐ-UBND ngày 7 tháng 5 năm 2018 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 48/2015/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 07/TTr-KHCN, ngày 03 tháng 02 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt “Đề án khung nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen cấp tỉnh thực hiện giai đoạn 2021–2025” (Đề án chi tiết kèm theo).

Kinh phí thực hiện: từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học của tỉnh.

Điều 2. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Đề án theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Tài chính và các sở, ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký. *h. khai*

Nơi nhận: *ng*

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PCVP Long;
- CV VHXH;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh.

Sxx

11

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



luu
Nguyễn Mạnh Hùng



**ĐỀ ÁN KHUNG
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VỀ QUỸ GEN CẤP TỈNH
THỰC HIỆN TRONG GIAI ĐOẠN 2021-2025**

*Quyết định số: 369/QĐ-UBND ngày 25/02/2021
của UBND tỉnh Tây Ninh*

Tên Đề án:

Bảo tồn nguồn gen cấp tỉnh thực hiện trong giai đoạn 2021-2025.

I. Nhu cầu về nguồn gen và tính cấp thiết:

1. Căn cứ xây dựng Đề án:

- Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
- Thông tư số 17/2016/TT-BKHHCN ngày 01/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý thực hiện Chương trình bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 48/2015/QĐ-UBND ngày 21/9/2015 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;
- Quyết định số 12/2018/QĐ-UBND ngày 07/5/2018 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 48/2015/QĐ-UBND ngày 21/9/2015 của UBND tỉnh;
- Công văn số 161/BKHHCN-CNN ngày 21/01/2020 của Bộ Khoa học và Công nghệ về xây dựng Đề án khung nhiệm vụ KII&CN về quỹ gen cấp bộ, cấp tỉnh;
- Công văn số 553/VP-VIXII ngày 31/01/2020 của Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh Tây Ninh về việc xây dựng Đề án khung nhiệm vụ KII&CN về quỹ gen cấp bộ, cấp tỉnh.
- Công văn số 1074/UBND-VIXII ngày 25/5/2020 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc Đề án khung nhiệm vụ KII&CN về quỹ gen tỉnh Tây Ninh;
- Công văn số 1851/BKHHCN-CNN ngày 26/6/2020 của Bộ Khoa học và Công nghệ (KII&CN) về việc Đề án khung nhiệm vụ KII&CN về quỹ gen cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025;

Tài liệu tham khảo:

[1] Ban Quản lý Vườn quốc gia Lò Gò – Xa Mát, 2020. Báo cáo số 688/BC- VQG ngày 05/10/2020 của Ban quản lý Vườn quốc gia Lò Gò - Xa Mát về việc báo cáo công tác thực thi pháp luật về đa dạng sinh học và bảo vệ môi trường tại Vườn quốc gia Lò Gò - Xa Mát.

[2] Ban Quản lý Vườn quốc gia Lò Gò – Xa Mát, 2020. Báo cáo số 715/BC- VQG ngày 17/11/2020 của Ban quản lý Vườn quốc gia Lò Gò - Xa Mát về việc báo cáo kiểm điểm công tác chỉ đạo, điều hành năm 2020.

[3] Niên giám Thống kê tỉnh Tây Ninh, 2019.

[4] UBND tỉnh Tây Ninh, 2013. Quyết định số 2213/QĐ-UBND ngày 01/11/2013 phê duyệt “*Đề án khung các nhiệm vụ Bảo tồn nguồn gen tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2014 – 2020*”.

[5] UBND tỉnh Tây Ninh, 2014. Quyết định số 21/2014/QĐ-UBND ngày 13/8/2014 ban hành “*Quy hoạch phát triển hoạt động khoa học và công nghệ tỉnh Tây Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*”.

2. Nhu cầu cần phải bảo tồn nguồn gen tại địa phương

Tây Ninh là tỉnh cực Tây của vùng Đông Nam Bộ, phía Đông giáp tỉnh Bình Dương và Bình Phước, phía Nam giáp thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Long An, phía Bắc và Tây giáp 03 tỉnh Svay Riêng, Pray-Veng và Tbong Khmum của Vương quốc Campuchia; có 02 cửa khẩu quốc tế là Mộc Bài, Xa Mát và 04 cửa khẩu chính, 10 cửa khẩu phụ; diện tích tự nhiên 4.041,25 km², dân số năm 2019 là 1.171.683 người, dân số khu vực thành thị là 208.300 người, dân số khu vực nông thôn là 963.383 người [3]. Địa hình Tây Ninh nghiêng theo hướng Đông Bắc - Tây Nam: phía Bắc có độ cao trung bình từ 10-15 m, đặc biệt, cách Thành phố Tây Ninh gần 10 km là núi Bà Đen, với độ cao 986 m, là ngọn núi duy nhất nằm trong địa bàn tỉnh Tây Ninh; phía Nam có địa hình mang đặc điểm đồng bằng với độ cao trung bình 3-5m [5]. Nhìn chung, địa hình Tây Ninh tương đối bằng phẳng, khí hậu chia thành 2 mùa rõ rệt: mùa mưa và mùa khô. Chế độ nhiệt của Tây Ninh quanh năm cao, tương đối ổn định. Nhiệt độ trung bình năm của Tây Ninh là 27,6°C, lượng ánh sáng quanh năm dồi dào, mỗi ngày trung bình có đến 7,6 giờ nắng [3].

Hệ động thực vật trong hệ sinh thái tỉnh Tây Ninh đa dạng, với nhiều nguồn gen quý hiếm, tập trung chủ yếu tại hệ sinh thái rừng Vườn Quốc gia Lò Gò - Xa mát.

- **Hệ thực vật** có 32 loài quý hiếm được ghi trong Sách đỏ thực vật Việt Nam trong đó có 9 loài cấp V (sẽ nguy cấp), 6 loài cấp R (Hiếm), 9 loài cấp T (Bị đe dọa), 8 loài cấp K (cấp biết không chính xác) [4].

Vườn Quốc gia Lò Gò – Xa Mát là khu bảo tồn đa dạng sinh học quan trọng của tỉnh Tây Ninh và cả vùng Đông Nam bộ. Hệ thực vật bậc cao trong Vườn Quốc gia Lò Gò – Xa Mát rất đa dạng với khoảng 700 loài thuộc 396 chi của 116 họ trong 60 bộ của 5 ngành (Viện Sinh học nhiệt đới, 2006). Vườn quốc gia Lò Gò – Xa Mát cũng là nơi có nguồn gen được liệu lớn với có 486 loài (chiếm 70,0% tổng số loài của VQG), 322 chi (81,5% tổng số chi), 104 họ

(90,4% tổng số họ) của 04 ngành (80% tổng số ngành). Trong đó, xác định được 18 loài cây thuốc có giá trị bảo tồn theo đánh giá của Sách đỏ Việt Nam (2007), Danh lục đỏ của IUCN (2013) và Nghị định số 32/2006/NĐ-CP và 10 loài cây thuốc nằm trong Danh mục vị thuốc Y học cổ truyền của Bộ Y tế (2013). Về giá trị công dụng, Vườn quốc gia có 204 loài cây thuốc dùng ngoài da và 378 loài dùng uống để chữa bệnh. [1].

- **Hệ động vật** có 218 loài chim, 22 loài thú, 23 loài ếch nhái, 65 loài bò sát, 143 loài côn trùng [4].

Riêng hệ động vật của Vườn quốc gia Lò Gò-Xa mát hiện có 42 loài thú, 203 loài chim, 25 loài lưỡng cư, 59 loài bò sát. Các loài thú có tên trong Sách Đỏ Thế giới (IUCN, 2005): Voọc chà vá chân đen (*Pygathrix nigripes*), Voọc bạc (*Trachypithecus margarita*), Khỉ đuôi dài (*Macaca fascicularis*), Khỉ đuôi lợn (*Macaca leonina*), Cu li nhỏ (*Nycticebus pygmaeus*). Các loài có tên trong Sách Đỏ Việt Nam: Dơi chó tai ngắn (*Cynopterus brachyotis*), Mễn (*Muntiacus m. annamensis*), Mèo rừng (*Prionailurus bengalensis*), Chồn Bạc má (*Melogale personata*), Sóc đen (*Ratufa bicolor*), Chèo (*Tragulid javanicus*), Nhím bòm (*Acanthion brachyurus*), Sóc bay trâu (*Petaurista philippensis*). Đối với loài bò sát có 07 loài nguy cấp và 02 loài cực kỳ nguy cấp là Rắn Hổ mang chúa (*Ophiophagus Hannah*) và Trăn đất (*Python molurus*). Đối với loài lưỡng cư, có 02 loài sắp nguy cấp là Cóc rừng (*Bufo galaetus*) và Ếch giun (*Ichthyophis bannanicus*), loài Nhái bầu vẽ (*Microhyla picta*) là loài đặc hữu của Việt Nam [1].

Hoạt động bảo tồn nguồn gen có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc cung cấp nguồn gen để sử dụng trong tương lai vì mục tiêu phát triển bền vững, đảm bảo sự ổn định của các hệ sinh thái, bảo vệ môi trường, cung cấp vật liệu cho các chương trình chọn tạo giống và các nghiên cứu khoa học khác. Trong khi, hiện trạng môi trường và tài nguyên thiên nhiên tỉnh Tây Ninh, nhất là tại Vườn quốc gia Lò Gò - Xa mát trong những năm gần đây, vẫn còn tình trạng khai thác bừa bãi, cháy rừng, công tác quản lý, bảo vệ rừng còn nhiều khó khăn, đây là nguyên nhân chính khiến nguồn gen quý hiếm ngày càng cạn kiệt [2].

Hoạt động bảo tồn nguồn gen tỉnh Tây Ninh chỉ đang ở bước đầu điều tra, thu thập số liệu. Giai đoạn 2014-2020, UBND tỉnh Tây Ninh đã ban hành Quyết định số 2213/QĐ-UBND ngày 01/11/2013 về việc phê duyệt "Đề án khung các nhiệm vụ Bảo tồn nguồn gen tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2014-2020", gồm 04 nhiệm vụ: "Nghiên cứu, phục tráng và bảo tồn một số giống lúa mùa đặc sản của tỉnh Tây Ninh", "Bảo tồn một số nguồn gen cá đặc sản tại tỉnh Tây Ninh", "Bảo tồn, khai thác và phát triển thằn lằn núi trong điều kiện tự nhiên ở Núi Bà Đen Tây Ninh" và "Bảo tồn, khai thác và phát triển nguồn gen ốc núi trong điều kiện tự nhiên ở Núi Bà Đen Tây Ninh". Tuy nhiên, nguồn lực địa phương còn hạn chế về năng lực nghiên cứu khoa học của các đơn vị chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ tỉnh nên gặp khó khăn trong việc xét giao trực tiếp tổ chức chủ trì nhiệm vụ đáp ứng yêu cầu tại Công văn hướng dẫn số 2026/BKHCN-CNN ngày 08/7/2013 của Bộ KH&CN - yêu cầu tổ chức chủ trì nhiệm vụ do tỉnh quản lý

hoặc nằm trên địa bàn tỉnh, việc triển khai chưa được thực hiện tại tỉnh Tây Ninh. UBND tỉnh đã đề nghị Bộ KH&CN xem xét việc tiếp tục thực hiện 04 nhiệm vụ bảo tồn nguồn gen nêu trên ở cấp quốc gia để chọn đúng tổ chức, cá nhân có đủ năng lực chủ trì thực hiện nhiệm vụ.

Giai đoạn 2021-2025, tiếp tục triển khai thực hiện các định hướng chỉ đạo của Bộ KH&CN, việc tiếp tục triển khai xây dựng Đề án khung nhiệm vụ về quỹ gen cấp tỉnh trên cơ sở thực tiễn địa phương nhằm tăng cường công tác quản lý, điều tra, đánh giá hiện trạng động, thực vật và vi sinh vật quý hiếm trên địa bàn; xác định đối tượng ưu tiên trong danh mục các loài động vật quý hiếm cần bảo tồn, gìn giữ, để từ đó có kế hoạch bảo tồn nguồn gen đạt hiệu quả cao là một yêu cầu cấp thiết hiện nay. Đề án được thực hiện cũng góp phần nâng cao năng lực quản lý và nhận thức xã hội về nguồn gen thông qua việc thực hiện các hoạt động thông tin, tuyên truyền và tập huấn kỹ thuật.

II. Mục tiêu

1. Mục tiêu tổng quát:

Bảo tồn và phát triển nguyên trạng nguồn gen quý, hiếm, đặc hữu, có giá trị tại tỉnh Tây Ninh.

2. Mục tiêu cụ thể:

- Thu thập và đánh giá được hiện trạng 04 nguồn gen quý, hiếm, đặc hữu bản địa: cây nhân trần tía (*Adenosma bracteosum* Bonati); Gà lôi hồng tía (*Lophura diardi*); Gà tiền mặt đỏ (*Polyplectron germaini*); Công xanh Việt Nam (*Pavo muticusimperator*) cần bảo tồn tại Vườn quốc gia Lò Gò – Xa Mát.

- Xác định được các yếu tố sinh thái, điều kiện môi trường ảnh hưởng đến sự sinh trưởng và phát triển của 04 nguồn gen trên tại Vườn quốc gia Lò Gò – Xa Mát.

- Xây dựng các mô hình nhằm duy trì bảo tồn, phát triển các nguồn gen trên tại Vườn quốc gia Lò Gò – Xa Mát.

- Đề xuất các biện pháp bảo tồn, phát triển tự nhiên của các nguồn gen trên tại Vườn quốc gia Lò Gò – Xa Mát.

III. Nội dung cần giải quyết

1. Triển khai nhiệm vụ bảo tồn nguồn gen

Triển khai thực hiện 02 nhiệm vụ:

(1) “Bảo tồn và phát triển cây nhân trần tía (*Adenosma bracteosum* Bonati) tại Vườn quốc gia Lò Gò – Xa mát, tỉnh Tây Ninh”;

(2) “Bảo tồn nguồn gen 03 loài: Gà lôi hồng tía (*Lophura diardi*); Gà tiền mặt đỏ (*Polyplectron germaini*); Công xanh Việt Nam (*Pavo muticusimperator*) tại Vườn quốc gia Lò Gò – Xa mát”.

Dựa vào đặc điểm mô tả của giống, tiến hành điều tra, khảo sát, thu thập và đánh giá hiện trạng 04 nguồn gen quý, hiếm tại địa phương. Tập trung thực hiện các nội dung chính sau:

- Quản lý, lưu giữ nguồn gen thực vật, động vật quý, hiếm hiện có:

† Quản lý, lưu giữ an toàn những nguồn gen hiện có, từng bước đánh giá ban đầu những nguồn gen dễ hoàn thiện dữ liệu đưa vào quản lý. Việc đánh giá ban đầu được tiến hành dần qua các năm và được đánh giá liên tục về cùng một số tính trạng.

+ Xác định 04 nguồn gen bản địa cần bảo tồn: cây nhân trần tía (*Adenosma bracteosum* Bonati); Gà lôi hồng tía (*Lophura diardi*); Gà tiền mặt đỏ (*Polyplectron germaini*); Công xanh Việt Nam (*Pavo muticus imperator*).

† Xác định đối tượng bảo tồn nguồn gen nguyên vị và chuyển vị (đối với đối tượng bảo tồn chuyển vị, việc nhân giống khôi phục và phát triển loài cần đảm bảo độ thuần của nguồn gen nhằm đảm bảo chất lượng của nguồn giống).

- Đánh giá sự ảnh hưởng của các yếu tố sinh thái, điều kiện môi trường đến quá trình sinh trưởng và phát triển của các nguồn gen tại Vườn quốc gia Lò Gò - Xa Mát.

- Xây dựng, phát triển các mô hình, khu vực sinh thái thích hợp bảo tồn, phát triển các nguồn gen tại Vườn quốc gia Lò Gò - Xa Mát.

- Đề xuất các biện pháp bảo tồn, phát triển tự nhiên của các nguồn gen tại Vườn quốc gia Lò Gò - Xa Mát: các biện pháp phù hợp từng đối tượng nguồn gen.

2. Các nội dung tổ chức, quản lý

- Đào tạo, tập huấn nghiệp vụ bảo tồn gen

- Tư liệu hóa nguồn gen dưới các hình thức mẫu tiêu bản khô, mô hình, phương thức, giải pháp bảo tồn, phát triển hoặc bản đồ vùng sinh thái phục vụ công tác quản lý, bảo tồn.

- Tổ chức, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả đạt được theo từng nội dung hoạt động.

IV. Dự kiến kết quả

- Đánh giá được hiện trạng và thu thập được 04 nguồn gen quý, hiếm để bảo tồn tại Vườn quốc gia Lò Gò - Xa Mát.

- Các nguồn gen được đánh giá về các chỉ tiêu sinh học, đánh giá về di truyền; nguồn gen được khôi phục, phát triển và được tư liệu hóa các mẫu gen quý, hiếm, nhằm phục vụ công tác nghiên cứu bảo tồn, chọn tạo giống hoặc mở rộng sản xuất (nếu có).

- Các sản phẩm KII&CN về quỹ gen: giống; bộ mẫu tiêu bản; mô hình, phương thức, biện pháp bảo tồn và phát triển nguồn gen; cơ sở dữ liệu, các tài liệu, báo cáo.

- Công bố ít nhất 02 bài báo khoa học trên tạp chí chuyên ngành.

- Đào tạo thành công 02-03 học viên cao học.

V. Dự kiến kinh phí thực hiện:

- Kinh phí cho hoạt động bảo tồn nguồn gen được lấy từ nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm của tỉnh.

- Dự kiến kinh phí thực hiện Đề án giai đoạn 2021-2025: 2.850.000.000 đồng (*Danh mục kèm theo*).

VI. Tổ chức thực hiện

1. Sở Khoa học và Công nghệ

- Tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ quỹ gen cấp tỉnh theo quy định;

- Hàng năm, hướng dẫn các tổ chức cá nhân đăng ký, đặt hàng nhiệm vụ quỹ gen cấp tỉnh theo quy định; tham mưu UBND tỉnh rà soát, bổ sung các nhiệm vụ thuộc đề án phù hợp với thực tế địa phương.

- Báo cáo định kỳ việc thực hiện Đề án về UBND tỉnh và Bộ KII&CN.

2. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ cân đối ngân sách tỉnh trình UBND tỉnh phân bổ kinh phí thực hiện Đề án trong nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học hàng năm.

3. Các cơ quan, đơn vị khác

Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan phối hợp triển khai thực hiện Đề án.

Hàng năm căn cứ vào hướng dẫn của Bộ KII&CN, Sở KII&CN phối hợp các tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức rà soát, tham mưu UBND tỉnh xem xét chỉnh sửa, bổ sung Đề án cho phù hợp./.

**DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ BẢO TỒN NGUỒN GEN CẤP TỈNH
THỰC HIỆN TRONG GIAI ĐOẠN 2021-2025**



Quyết định số: 394/QĐ-UBND ngày 23/02/2021
của UBND tỉnh Tây Ninh

STT	Tên nhiệm vụ	Tên tổ chức dự kiến chủ trì	Đối tượng và số lượng nguồn gen bảo tồn	Dự kiến kinh phí (NSNN triệu đồng)	Thời gian thực hiện
I Bảo tồn nguồn gen thực vật					
1	Bảo tồn và phát triển cây nhân trần tía (<i>Adenosma bracteosum</i> Bonati) tại Vườn quốc gia Lò Gò – Xa mát, tỉnh Tây Ninh	Tuyển chọn tổ chức, cá nhân có năng lực chuyên môn phù hợp đáp ứng yêu cầu theo quy định để triển khai thực hiện đề tài.	- Bộ mẫu với 20 tiêu bản khô (có hoa hoặc quả hoặc cả hai) của cây nhân trần tía ở khu vực nghiên cứu. - Mô hình trồng cây nhân trần tía đạt tiêu chuẩn GACP.	1.350	2021-2023
II Bảo tồn nguồn gen động vật					
2	Bảo tồn nguồn gen 03 loài: Gà lôi hồng tía (<i>Lophura diardi</i>); Gà tiền mặt đỏ (<i>Polyplectron germaini</i>); Công xanh Việt Nam (<i>Pavo muticus imperator</i>) tại Vườn quốc gia Lò Gò – Xa mát	Tuyển chọn tổ chức, cá nhân có năng lực chuyên môn phù hợp đáp ứng yêu cầu theo quy định để triển khai thực hiện đề tài.	- Cá thể 03 loài: Gà lôi hồng tía (<i>Lophura diardi</i>); Gà tiền mặt đỏ (<i>Polyplectron germaini</i>); Công xanh Việt Nam (<i>Pavo muticus imperator</i>) tại Vườn quốc gia Lò Gò – Xa Mát. - Vùng sinh thái thích hợp và phương thức bảo tồn, phát triển tự nhiên 03 loài trên tại Vườn quốc gia Lò Gò – Xa Mát.	1.500	2022-2025
Tổng kinh phí dự kiến giai đoạn 2021-2025				2.850	

**TÊN TỔ CHỨC
ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐĂNG KÝ¹
CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH**

Kính gửi:(*Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Tây Ninh*)

Căn cứ thông báo số, ngày...tháng...năm 201...của Sở Khoa học và Công nghệ Tây Ninh về việc tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh năm 20..., chúng tôi:

a)
.....
.....

(*Tên, địa chỉ của tổ chức đăng ký làm cơ quan chủ trì nhiệm vụ KH&CN*)

b)
.....
.....

(*Họ và tên, học vị, chức vụ cá nhân đăng ký chủ nhiệm*)

Đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN (*đề tài hoặc dự án SXTN hoặc đề án...*):

.....
.....

Thuộc lĩnh vực KH&CN:

.....

Thuộc Chương trình KH&CN (nếu có):

.....

.....

.....

Mã số của Chương trình:

¹ Trình bày và in trên khổ giấy A4

Hồ sơ gồm có:

1. Thuyết minh đề tài theo biểu B1-2a-TMĐTCN hoặc biểu B1-2b-TMĐTXH; dự án SXTN theo biểu B1-2c-TMDA; đề án theo biểu B1-2d-TMĐA
2. Tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký chủ trì biểu B1-3-LLTC;
3. Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ nhiệm và.....² thành viên thực hiện chính biểu B1-4-LLCN;
4. Lý lịch khoa học của chuyên gia trong nước, chuyên gia nước ngoài biểu B1-4-LLCN), trong đó có kê khai mức lương chuyên gia (nếu có thuê chuyên gia);
5. Văn bản xác nhận về sự đồng ý của các tổ chức tham gia phối hợp thực hiện nhiệm vụ biểu B1-5-PHCN (nếu có);
6. Các tài liệu khác (theo hướng dẫn tại Điều 5 của Thông tư để kê khai).

Chúng tôi xin cam kết những nội dung và thông tin kê khai trong hồ sơ này là đúng sự thật, tổ chức đăng ký chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ không vi phạm một trong các yêu cầu, điều kiện quy định tại Khoản 6 Điều 1 Quyết định số 12/2018/QĐ-UBND ngày 07/5/2018 của UBND tỉnh Tây Ninh quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 48/2015/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh và không đồng thời xin tài trợ kinh phí từ các nguồn khác của ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ này. Nếu phát hiện hồ sơ kê khai không đúng sự thật chúng tôi xin chịu mọi hình thức xử lý theo quy định.

....., ngày.....tháng.....năm 20...

**THỦ TRƯỞNG TỔ CHỨC
ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN**
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

² Ghi số người đăng ký *tham gia chính* thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

**THUYẾT MINH
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG
VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH¹**

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ TÀI

1	Tên đề tài	1a	Mã số (được cấp khi Hồ sơ trùng tuyến)
2	Thời gian thực hiện: tháng (Từ tháng /20.. đến tháng /20...)	3	Cấp quản lý Cấp tỉnh <input type="checkbox"/>
4	Tổng kinh phí thực hiện: triệu đồng, trong đó:		
	Nguồn	Kinh phí (triệu đồng)	
	- Từ Ngân sách nhà nước		
	- Từ nguồn ngoài ngân sách nhà nước		
5	Đề nghị phương thức khoán chi:		
	<input type="checkbox"/> Khoán đến sản phẩm cuối cùng	<input type="checkbox"/> Khoán từng phần, trong đó:	
		- Kinh phí khoán:triệu đồng	
		- Kinh phí không khoán:triệu đồng	
6	<input type="checkbox"/> Thuộc Chương trình (Ghi rõ tên chương trình, nếu có), Mã số: <input type="checkbox"/> Thuộc dự án KH&CN <input type="checkbox"/> Độc lập <input type="checkbox"/> Khác		
7	Lĩnh vực khoa học		
	<input type="checkbox"/> Tự nhiên;	<input type="checkbox"/> Nông nghiệp;	
	<input type="checkbox"/> Kỹ thuật và công nghệ;	<input type="checkbox"/> Y, dược.	
8	Chủ nhiệm đề tài		
	Họ và tên:.....		
	Ngày, tháng, năm sinh: Giới tính: Nam <input type="checkbox"/> / Nữ: <input type="checkbox"/>		

¹ Bản Thuyết minh đề tài này dùng cho hoạt động nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ thuộc 4 lĩnh vực khoa học nêu tại mục 7 của Thuyết minh. Thuyết minh được trình bày và in trên khổ A4

Học hàm, học vị/ Trình độ chuyên môn:
Chức danh khoa học: Chức vụ:
Điện thoại:
Tổ chức: Mobile:
Fax: E-mail:
Tên tổ chức đang công tác:
Địa chỉ tổ chức:
.....

9 Thư ký khoa học của đề tài

Họ và tên:
Ngày, tháng, năm sinh: Nam/ Nữ:
Học hàm, học vị/ Trình độ chuyên môn:
Chức danh khoa học: Chức vụ:
Điện thoại:
Tổ chức: Mobile:
Fax: E-mail:
Tên tổ chức đang công tác:
Địa chỉ tổ chức:
.....

10 Tổ chức chủ trì đề tài

Tên tổ chức chủ trì đề tài:
Điện thoại: Fax:
Website:
Địa chỉ:
Họ và tên thủ trưởng tổ chức:
Số tài khoản:
Kho bạc nhà nước/ Ngân hàng:
Tên cơ quan chủ quản đề tài:

11 Các tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài (nếu có)

1. **Tổ chức 1** :
Tên cơ quan chủ quản
Điện thoại: Fax:

Địa chỉ:

Họ và tên thủ trưởng tổ chức:

Số tài khoản:

Ngân hàng:

2. **Tổ chức 2** :

Tên cơ quan chủ quản

Điện thoại: Fax:

Địa chỉ:

Họ và tên thủ trưởng tổ chức:

Số tài khoản:

Ngân hàng:

12 Cán bộ thực hiện đề tài

(Ghi những người có đóng góp khoa học và thực hiện những nội dung chính thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện đề tài. Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ lập danh sách theo mẫu này có xác nhận của tổ chức chủ trì và gửi kèm theo hồ sơ khi đăng ký)

TT	Họ và tên, học hàm học vị	Chức danh thực hiện đề tài ²	Tổ chức công tác
1			
2			
3			
4			
5			
6			
7			
....			
....			
....			

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG KH&CN VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

Mục tiêu của đề tài (*Bám sát và cụ thể hoá định hướng mục tiêu theo đặt hàng*)

13

² Theo quy định tại bảng 1 Điểm b Khoản 1 Điều 7 Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2016 của UBND tỉnh ban hành quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

.....
.....
.....

14 Tình trạng đề tài

Mới

Kế tiếp hướng nghiên cứu của chính nhóm tác giả

Kế tiếp nghiên cứu của người khác

15 Tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải về mục tiêu và những nội dung nghiên cứu của đề tài

15.1 Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài

Ngoài nước (Phân tích đánh giá được những công trình nghiên cứu có liên quan và những kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu của đề tài; nêu được những bước tiến về trình độ KH&CN của những kết quả nghiên cứu đó)

Trong nước (Phân tích, đánh giá tình hình nghiên cứu trong nước thuộc lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, đặc biệt phải nêu cụ thể được những kết quả KH&CN liên quan đến đề tài mà các cán bộ tham gia đề tài đã thực hiện. Nếu có các đề tài cùng bản chất đã và đang được thực hiện ở cấp khác, nơi khác thì phải giải trình rõ các nội dung kỹ thuật liên quan đến đề tài này; Nếu phát hiện có đề tài đang tiến hành mà đề tài này có thể phối hợp nghiên cứu được thì cần ghi rõ Tên đề tài, Tên Chủ nhiệm đề tài và cơ quan chủ trì đề tài đó)

15.2 Luận giải về việc đặt ra mục tiêu và những nội dung cần nghiên cứu của đề tài

(Trên cơ sở đánh giá tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước, phân tích những công trình nghiên cứu có liên quan, những kết quả mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu đề tài, đánh giá những khác biệt về trình độ KH&CN trong nước và thế giới, những vấn đề đã được giải quyết, cần nêu rõ những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những hạn chế cụ thể, từ đó nêu được hướng giải quyết mới - luận giải và cụ thể hoá mục tiêu đặt ra của đề tài và những nội dung cần thực hiện trong đề tài để đạt được mục tiêu)

16 Liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu có liên quan đến đề tài đã trích dẫn khi đánh giá tổng quan

(Tên công trình, tác giả, nơi và năm công bố, chỉ nêu những danh mục đã được trích dẫn để luận giải cho sự cần thiết nghiên cứu đề tài)

.....

.....

17 Nội dung nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm của đề tài và phương án thực hiện

(Liệt kê và mô tả chi tiết những công việc của từng nội dung nghiên cứu và triển khai thực nghiệm phù hợp cần thực hiện để giải quyết các vấn đề và tạo ra sản phẩm theo đặt hàng, kèm theo nhu cầu về nhân lực, trong đó chỉ rõ những nội dung mới, những nội dung kế thừa kết quả nghiên cứu của các đề tài trước đó, dự kiến những nội dung có tính rủi ro và giải pháp khắc phục – nếu có; nội dung thuê chuyên gia trong, ngoài nước thực hiện nếu có không kê khai ở mục này, sẽ được kê khai ở mục 21)

Nội dung 1 :

Công việc 1:

Công việc 2:

.....

Nội dung 2:

Công việc 1:

Công việc 2:

.....

Nội dung 3 :

Công việc 1:

Công việc 2:

.....

18 Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng

(Luận cứ rõ cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu, thiết kế nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sẽ sử dụng gắn với từng nội dung chính của đề tài; so sánh với các phương pháp giải quyết tương tự khác và phân tích để làm rõ được tính mới, tính sáng tạo của đề tài)

Cách tiếp cận:

.....

Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:

.....

Tính mới, tính sáng tạo:

.....

19 Phương án phối hợp với các tổ chức nghiên cứu và cơ sở sản xuất trong nước

(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên các tổ chức phối hợp chính tham gia thực hiện đề tài và nội dung công việc tham gia trong đề tài, kể cả các cơ sở sản xuất hoặc những người sử dụng kết quả nghiên cứu; khả năng đóng góp về nhân lực, tài chính, cơ sở hạ tầng-nếu có).

20 Phương án hợp tác quốc tế (nếu có)

(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên đối tác nước ngoài; nội dung đã hợp tác- đối với đối tác đã có hợp tác từ trước; nội dung cần hợp tác trong khuôn khổ đề tài; hình thức thực hiện. Phân tích rõ lý do cần hợp tác và dự kiến kết quả hợp tác, tác động của hợp tác đối với kết quả của đề tài)

21 Phương án thuê chuyên gia (nếu có)

1. Thuê chuyên gia trong nước

Số TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Thuộc tổ chức	Lĩnh vực chuyên môn	Nội dung thực hiện và giải trình lý do cần thuê	Thời gian thực hiện quy đổi (tháng)
1					
2					
....					

2. Thuê chuyên gia nước ngoài

Số TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Quốc tịch	Thuộc tổ chức	Lĩnh vực chuyên môn	Nội dung thực hiện và giải trình lý do cần thuê	Thời gian thực hiện quy đổi (tháng)
1						
2						
....						

22 Tiến độ thực hiện

	Các nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện;	Kết quả phải đạt	Thời gian (bắt đầu,	Cá nhân, tổ chức	Dự kiến kinh phí
--	---	------------------	---------------------	------------------	------------------

	các mốc đánh giá chủ yếu		kết thúc)	chủ trì*	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Nội dung 1				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				
				
2	Nội dung 2				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				
				
...	Nội dung n				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				
				

* Chỉ ghi các tổ chức, cá nhân có tên tại Mục 8, 9, 10, 11, 12, 21

III. SẢN PHẨM KH&CN CỦA ĐỀ TÀI

23 Sản phẩm KH&CN chính của đề tài và yêu cầu chất lượng cần đạt (Liệt kê theo dạng sản phẩm)						
Dạng I: Mẫu (model, maket): Sản phẩm (là hàng hoá, có thể được tiêu thụ trên thị trường); Vật liệu; Thiết bị, máy móc; Dây chuyền công nghệ; Giống cây trồng; Giống vật nuôi và các loại khác;						
Số TT	Tên sản phẩm cụ thể và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu của sản phẩm	Đơn vị đo	Mức chất lượng			Dự kiến số lượng/quy mô sản phẩm tạo ra
			Cần đạt	Mẫu tương tự (theo các tiêu chuẩn mới nhất)		
				Trong nước	Thế giới	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

23.1 Mức chất lượng các sản phẩm (Dạng I) so với các sản phẩm tương tự trong nước và nước ngoài (Làm rõ cơ sở khoa học và thực tiễn để xác định các chỉ tiêu về chất lượng cần đạt của

các sản phẩm của đề tài)

.....
.....
.....

Dạng II: Nguyên lý ứng dụng; Phương pháp; Tiêu chuẩn; Quy phạm; Phần mềm máy tính; Bản vẽ thiết kế; Quy trình công nghệ; Sơ đồ, bản đồ; Số liệu, Cơ sở dữ liệu; Báo cáo phân tích; Tài liệu dự báo (*phương pháp, quy trình, mô hình,...*); Đề án, qui hoạch; Luận chứng kinh tế-kỹ thuật, Báo cáo nghiên cứu khả thi và các sản phẩm khác

TT	Tên sản phẩm	Yêu cầu khoa học cần đạt	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)

Dạng III: Bài báo; Sách chuyên khảo và các sản phẩm khác

Số TT	Tên sản phẩm	Yêu cầu khoa học cần đạt	Dự kiến nơi công bố (Tạp chí, Nhà xuất bản)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

23.2 Trình độ khoa học của sản phẩm (Dạng II & III) so với các sản phẩm tương tự hiện có (Làm rõ cơ sở khoa học và thực tiễn để xác định các yêu cầu khoa học cần đạt của các sản phẩm của đề tài)

.....
.....
.....

23.3 Kết quả tham gia đào tạo sau đại học

TT	Cấp đào tạo	Số lượng	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	Thạc sỹ			
	Tiến sỹ			

23.4 Sản phẩm dự kiến đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng:

.....
.....
.....
.....

24 Khả năng ứng dụng và phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu

24.1 Khả năng về thị trường (Nhu cầu thị trường trong và ngoài nước, nêu tên và nhu cầu khách hàng cụ thể nếu có; điều kiện cần thiết để có thể đưa sản phẩm ra thị trường?)

.....
.....
.....

24.2 Khả năng về ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào sản xuất kinh doanh (Khả năng cạnh tranh về giá thành và chất lượng sản phẩm)

.....
.....
.....

24.3 Khả năng liên doanh liên kết với các doanh nghiệp trong quá trình nghiên cứu và triển khai ứng dụng sản phẩm

.....
.....
.....

24.4 Mô tả phương thức chuyển giao

(Chuyển giao công nghệ trọn gói, chuyển giao công nghệ có đào tạo, chuyển giao theo hình thức trả dần theo tỷ lệ % của doanh thu; liên kết với doanh nghiệp để sản xuất hoặc góp vốn với đơn vị phối hợp nghiên cứu hoặc với cơ sở sẽ áp dụng kết quả nghiên cứu theo tỷ lệ đã thỏa thuận để cùng triển khai sản xuất; tự thành lập doanh nghiệp trên cơ sở kết quả nghiên cứu tạo ra...)

.....
.....
.....

25 Phạm vi và địa chỉ (dự kiến) ứng dụng các kết quả của đề tài

.....
.....

26 Tác động và lợi ích mang lại của kết quả nghiên cứu

26.1 Đối với lĩnh vực KH&CN có liên quan

(Nêu những dự kiến đóng góp vào các lĩnh vực khoa học công nghệ ở trong nước và quốc tế)

.....

26.2 Đối với tổ chức chủ trì và các cơ sở ứng dụng kết quả nghiên cứu

.....

26.3 Đối với kinh tế - xã hội và môi trường

(Nêu những tác động dự kiến của kết quả nghiên cứu đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và môi trường)

.....

27 Phương án trang bị thiết bị máy móc để thực hiện và xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện đề tài (theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính)

27.1. Phương án trang bị tài sản (xây dựng phương án, đánh giá và so sánh để lựa chọn phương án hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả nhất, hạn chế tối đa mua mới; thống kê danh mục tài sản cho các nội dung c, d)

- a. Bố trí trong số thiết bị máy móc hiện có của tổ chức chủ trì đề tài (nếu chưa đủ thì xây dựng phương án hoặc b, hoặc c, hoặc d, hoặc cả b,c,d)
- b. Điều chuyển thiết bị máy móc
- c. Thuê thiết bị máy móc

STT	Danh mục tài sản	Tính năng, thông số kỹ thuật	Thời gian thuê
1			
2			

d. Mua sắm mới thiết bị máy móc

STT	Danh mục tài sản	Tính năng, thông số kỹ thuật
1		
2		

27.2. Phương án xử lý tài sản là kết quả của quá trình triển khai thực hiện đề tài (hình thức xử lý và đối tượng thụ hưởng)

.....

.....

V. NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI VÀ NGUỒN KINH PHÍ

(Giải trình chi tiết trong phụ lục kèm theo)

Đơn vị tính: triệu đồng

28 Kinh phí thực hiện đề tài phân theo các khoản chi							
	Nguồn kinh phí	Tổng số	Trong đó				
			Trả công lao động trực tiếp+ chuyên gia (nếu có)	Nguyên, vật liệu, năng lượng	Thiết bị, máy móc	Xây dựng, sửa chữa nhỏ	Chi khác
1	2	3	4	5	6	7	8
	Tổng kinh phí <i>Trong đó:</i>						
1	Ngân sách nhà nước: a. Kinh phí khoán chi: - Năm thứ nhất: - Năm thứ hai: - Năm thứ ba: b. Kinh phí không khoán chi: - Năm thứ nhất: - Năm thứ hai: - Năm thứ ba:						
2	Nguồn ngoài ngân sách nhà nước						

....., ngày..... tháng năm 20....

Chủ nhiệm đề tài
(Họ tên và chữ ký)

....., ngày..... tháng năm 20....

Tổ chức chủ trì đề tài
(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)

....., ngày..... tháng năm 20....

Sở Khoa học và Công nghệ³
(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)

³Chữ ký đóng dấu khi đề tài được phê duyệt

DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐỀ TÀI

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung các khoản chi	Tổng kinh phí	Nguồn vốn																
			Ngân sách nhà nước						Ngoài ngân sách nhà nước										
			Tổng số		Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ ba		Tổng số		Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ ba		
1	2	3	Kinh phí	Trong đó, khoán chi theo quy định	6	7	Kinh phí	Trong đó, khoán chi theo quy định	8	9	Kinh phí	Trong đó, khoán chi theo quy định	10	11	Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	
			$4=(6+8+10)$	$5=(7+9+11)$											12	13	14	15	
1	Trả công lao động																		
2	Thuế chuyên gia - Trong nước - Nước ngoài																		
2	Nguyên, vật liệu, năng lượng																		
3	Thiết bị, máy móc																		
4	Xây dựng, sửa chữa nhỏ																		
5	Chi khác																		
	Tổng cộng																		

(*) Các căn cứ xây dựng dự toán: liệt kê các quyết định phê duyệt định mức, văn bản hướng dẫn, ...

GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI

Khoản 1a. Công lao động trực tiếp

TỔNG HỢP DỰ TOÁN CÔNG LAO ĐỘNG TRỰC TIẾP

Số TT	Chức danh	Tổng số người	Tổng số ngày công quy đổi	Tổng kinh phí (triệu đồng)	
				Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước
1	Chú nhiệm đề tài				
2	Thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học				
3	Thành viên				
4	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ				
Cộng:					

DỰ TOÁN CHI TIẾT CÔNG LAO ĐỘNG TRỰC TIẾP

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung công việc ¹	Chức danh nghiên cứu ²	Tổng số người thực hiện	Hệ số tiền công theo ngày (Hsten) ³	Số ngày công quy đổi (Snc) ⁴	Tổng kinh phí (Tc)	Nguồn vốn					
							Ngân sách nhà nước			Ngoại ngân sách nhà nước		
							Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
1	2	3	4	5	6	7=5x6xLcs ⁵	8	9	10	11	12	13
1	Nghiên cứu tổng quan											
	1.1. Công việc 1:	Thư ký khoa học	01	0,49	10	5,929	5,929					
											
2	Đánh giá thực trạng											
	2.1. Công việc 1:											
											
7	Tổng kết, đánh giá											
	7.1. Công việc 1:											
											
	Cộng:											

- Dự toán theo 7 nội dung hướng dẫn tại Điểm a Khoản 1 Điều 7 của Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2016 của UBND tỉnh và phù hợp với mục 17 của *thuyết minh*.
- Thành viên thực hiện phải là các cán bộ có tên tại mục 12 và phù hợp với nội dung thực hiện được phân công nêu tại mục 22 của *thuyết minh*.
- Theo quy định tại bảng 1 Điểm b Khoản 1 Điều 7 của Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2016 của UBND tỉnh Tây Ninh.
- Hsten được xác định và tính theo quy định tại bảng 1 Điểm b Khoản 1 Điều 7 của Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2016 của UBND tỉnh.
- Snc theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 7 của Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2016 của UBND tỉnh.
- Lcs Lương cơ sở do Nhà nước quy định; dự toán tiền công lao động với chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 7 của Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2016 của UBND tỉnh

Khoản 1b. Thuế chuyên gia (dự toán phù hợp với phương án thuế chuyên gia nêu tại mục 21 của thuyết minh)

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Quốc tịch	Thuộc tổ chức	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện quy đổi (tháng)	Mức lương tháng theo hợp đồng	Kinh phí		
							Tổng	Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước
1	2	3	4	5	6	7	8=6x7	9	10
I	Chuyên gia trong nước								
1									
.....									
.....									
II	Chuyên gia nước ngoài								
1									
.....									
.....									

Khoản 2. Nguyên vật liệu, năng lượng

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn												
						Ngân sách nhà nước						Ngoài ngân sách nhà nước						
						Tổng số		Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ ba		Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	
						Kinh phí	Trong đó, khoán chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoán chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoán chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoán chi theo quy định					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
I	Nội dung I																	
I.1	Công việc I																	
1	Nguyên, vật liệu																	
1.1	...																	
1.2	...																	
...	...																	
2	Năng lượng, nhiên liệu																	
2.1	Than																	
2.2	Điện	kW/h																
2.3	Xăng, dầu																	
2.4	Nhiên liệu khác																	
3	Dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng																	
3.1	...																	

Khoản 3. Thiết bị, máy móc

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn															
					Ngân sách nhà nước				Ngoài ngân sách nhà nước											
					Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba								
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13								
I	Thiết bị hiện có của tổ chức chủ trì tham gia thực hiện đề tài ⁵																			
II	Thiết bị, máy móc điều chuyển từ tổ chức khác đến																			
III	Khấu hao thiết bị ⁶																			
VI	Thuế thiết bị (ghi tên thiết bị, thời gian thuế)																			
IV	Thiết bị công nghệ mua mới																			
V	Vận chuyển lắp đặt																			
VI	Bảo dưỡng, sửa chữa																			
Cộng																				

⁵ Chỉ ghi tên thiết bị và giá trị còn lại, không cộng vào tổng kinh phí.

⁶ Chỉ khai mục này khi cơ quan chủ trì là doanh nghiệp.

Khoản 4. Xây dựng, sửa chữa nhỏ

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Kinh phí	Nguồn vốn							
			Ngân sách nhà nước			Ngoài ngân sách nhà nước				
			Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Chi phí xây dựng m ² nhà xưởng, PTN									
2	Chi phí sửa chữa m ² nhà xưởng, PTN									
3	Chi phí lắp đặt hệ thống điện, nước									
4	Chi phí khác									
	Cộng:									

Khoản 5. Chi khác (Định mức chi theo quy định tại bảng 1 Điểm b Khoản 1 Điều 7 của Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2016 của UBND tỉnh ban hành quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Nguồn vốn												
		Ngân sách nhà nước					Ngoài ngân sách nhà nước							
		Tổng		Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ ba		Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	
Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định	Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10					
1	Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu (định mức chi theo quy định tại Khoản 6 Điều 7 Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2016 của UBND tỉnh Tây Ninh)													
2	Hợp tác quốc tế (định mức chi theo quy định hiện hành)													
a	Đoàn ra (nước đến, số người, số ngày, số lần,...)													
b	Đoàn vào (số người, số ngày, số lần...)													
3	Kinh phí quản lý (bảng 5% tổng kinh phí thực hiện đề tài, tài đã không quá 100 triệu đồng)													
4	Chi phí đánh giá, kiểm tra nội bộ													
	Chi phí kiểm tra nội bộ (định mức chi theo quy định hiện hành)													

**TÓM TẮT HOẠT ĐỘNG KH&CN¹
CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ
NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH**

1. Tên tổ chức:		
Năm thành lập:		
Địa chỉ:		
Website:		
Điện thoại:		Fax:
E-mail:		
2. Chức năng, nhiệm vụ và loại hình hoạt động KH&CN hoặc sản xuất kinh doanh liên quan đến nhiệm vụ KH&CN tuyển chọn/giao trực tiếp		
3. Tổng số cán bộ có trình độ đại học trở lên của tổ chức		
<i>TT</i>	<i>Cán bộ có trình độ đại học trở lên</i>	<i>Tổng số</i>
1	Tiến sỹ	
2	Thạc sỹ	
3	Đại học	
4. Số cán bộ nghiên cứu của tổ chức trực tiếp tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN tuyển chọn/giao trực tiếp		
<i>TT</i>	<i>Cán bộ có trình độ đại học trở lên</i>	<i>Số trực tiếp tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN tuyển chọn/giao trực tiếp</i>
1	Tiến sỹ	
2	Thạc sỹ	
3	Đại học	
5. Kinh nghiệm và thành tựu KH&CN trong 5 năm gần nhất liên quan đến nhiệm vụ KH&CN tuyển chọn/giao trực tiếp của các cán bộ trong tổ chức trực tiếp tham gia đã kê khai		

¹ Trình bày và in trên khổ giấy A4.

ở mục 4 trên đây (Nếu lĩnh vực chuyên môn có kinh nghiệm, số năm kinh nghiệm, tên các đề tài/dự án/đề án đã chủ trì hoặc tham gia, những công trình đã áp dụng vào sản xuất và đời sống, thành tựu hoạt động KH&CN và sản xuất kinh doanh khác, ...)

6. Cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có liên quan đến nhiệm vụ KH&CN tuyển chọn/giao trực tiếp:

- Nhà xưởng:

- Trang thiết bị chủ yếu:

7. Khả năng huy động các nguồn vốn khác (ngoài ngân sách nhà nước) cho việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN tuyển chọn/giao trực tiếp:

- Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước: triệu đồng (văn bản chứng minh kèm theo)

....., ngày tháng năm 20...

THỦ TRƯỞNG
TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ
KH&CN TUYỂN CHỌN/GIAO TRỰC TIẾP
(Họ, tên và chữ ký của người lãnh đạo tổ chức, đóng dấu)

LÝ LỊCH KHOA HỌC CỦA CÁ NHÂN THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN¹

ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ:

ĐĂNG KÝ THAM GIA THỰC HIỆN CHÍNH NHIỆM VỤ²:

1. Họ và tên:			
2. Năm sinh:		3. Nam/Nữ:	
4. Học hàm:		Năm được phong học hàm:	
Học vị:		Năm đạt học vị:	
5. Chức danh nghiên cứu:			
Chức vụ:			
6. Điện thoại: Tổ chức: Mobile:			
7. Fax:		E-mail:	
8. Tổ chức - nơi làm việc của cá nhân đăng ký chủ nhiệm:			
Tên tổ chức :			
Tên người Lãnh đạo:			
Điện thoại người Lãnh đạo:			
Địa chỉ tổ chức:			
9. Quá trình đào tạo			
Bậc đào tạo	Nơi đào tạo	Chuyên môn	Năm tốt nghiệp
Đại học			
Thạc sỹ			
Tiến sỹ			
Thực tập sinh khoa học			

¹ Mẫu Lý lịch này dùng cho các cá nhân đăng ký chủ nhiệm hoặc tham gia thực hiện chính đề tài/đề án hoặc dự án SXTN cấp tỉnh. Lý lịch được trình bày và in ra trên khổ giấy A4.

² Nếu đăng ký tham gia, ghi số thứ tự theo mục 12 bản thuyết minh đề tài KH&CN hoặc mục 11 bản thuyết minh đề tài KH&CN/đề án hoặc mục 11 bản Thuyết minh dự án SXTN tương ứng.

10. Quá trình công tác			
Thời gian (Từ năm ... đến năm...)	Vị trí công tác	Tổ chức công tác	Địa chỉ Tổ chức

11. Các công trình công bố chủ yếu (liệt kê tối đa 05 công trình tiêu biểu đã công bố liên quan đến nhiệm vụ KH&CN đăng ký trong 5 năm gần nhất)				
TT	Tên công trình (bài báo, công trình...)	Là tác giả hoặc là đồng tác giả công trình	Nơi công bố (tên tạp chí đã đăng công trình)	Năm công bố

12. Số lượng văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây trồng đã được cấp (liên quan đến đề tài, dự án đăng ký - nếu có)		
TT	Tên và nội dung văn bằng	Năm cấp văn bằng

13. Số công trình được áp dụng trong thực tiễn
(liên quan đến nhiệm vụ KH&CN đăng ký - nếu có)

TT	Tên công trình	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Thời gian (bắt đầu - kết thúc)

14. Các đề tài/đề án, dự án, nhiệm vụ khác đã chủ trì hoặc tham gia
(trong 5 năm gần đây thuộc lĩnh vực nghiên cứu của đề tài/đề án, dự án đăng ký - nếu có)

Tên đề tài/đề án, dự án, nhiệm vụ khác đã chủ trì	Thời gian (bắt đầu - kết thúc)	Thuộc Chương trình (nếu có)	Tình trạng đề tài (đã nghiệm thu, chưa nghiệm thu)
Tên đề tài/đề án, dự án, nhiệm vụ khác đã tham gia	Thời gian (bắt đầu - kết thúc)	Thuộc Chương trình (nếu có)	Tình trạng đề tài (đã nghiệm thu, chưa nghiệm thu)

15. Giải thưởng
(về KH&CN, về chất lượng sản phẩm.... liên quan đến đề tài/đề án, dự án đăng ký - nếu có)

TT	Hình thức và nội dung giải thưởng	Năm tặng thưởng

16. Thành tựu hoạt động KH&CN và sản xuất kinh doanh khác
(liên quan đến đề tài, dự án đăng ký - nếu có)

....., ngày tháng năm 20...

**TỔ CHỨC - NƠI LÀM VIỆC CỦA CÁ NHÂN
ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM (HOẶC THAM GIA
THỰC HIỆN CHÍNH) ĐỀ TÀI/ĐỀ ÁN, DỰ ÁN³**
(Xác nhận và đóng dấu)

**CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM
(HOẶC THAM GIA THỰC HIỆN CHÍNH)
ĐỀ TÀI/ĐỀ ÁN, DỰ ÁN**
(Họ, tên và chữ ký)

Đơn vị đồng ý và sẽ dành thời gian cần thiết
để Ông, Bà chủ trì (tham gia) thực hiện
đề tài/đề án, dự án

³ Nhà khoa học không thuộc tổ chức KH&CN nào thì không cần làm thủ tục xác nhận này.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY XÁC NHẬN PHỐI HỢP THỰC HIỆN¹
NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH**

Kính gửi: (tên Bộ, ngành, địa phương)

1. Tên đề tài/đề án/dự án SXTN đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp:

.....
.....
.....

Thuộc Chương trình KH&CN (nếu có):

.....

Mã số của Chương trình:

Thuộc lĩnh vực KH&CN:

.....

2. Tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì đề tài/đề án/dự án SXTN

- Tên tổ chức đăng ký chủ trì đề tài/đề án/dự án SXTN

.....

- Họ và tên, học vị, chức vụ của cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm đề tài/đề án/dự án SXTN

.....

3. Tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện đề tài/đề án/dự án SXTN

- Tên tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện đề tài/đề án/dự án SXTN

.....

Địa chỉ

Điện thoại

¹ Giấy xác nhận được trình bày và in ra trên khổ giấy A4

4. Nội dung công việc tham gia trong đề tài/đề án/dự án SXTN (và kinh phí tương ứng) của tổ chức phối hợp nghiên cứu đã được thể hiện trong bản thuyết minh đề tài/đề án/dự án SXTN của hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp.

Khi Hồ sơ trúng tuyển, chúng tôi cam đoan sẽ hoàn thành những thủ tục pháp lý do Quý Sở hướng dẫn về nghĩa vụ và quyền lợi của mỗi bên để thực hiện tốt nhất và đúng thời hạn mục tiêu, nội dung và sản phẩm của đề tài/đề án/dự án SXTN.

....., ngàytháng năm 20.....

**CÁ NHÂN
ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM**
(Họ, tên và chữ ký)

**THỦ TRƯỞNG
TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ**
(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

**THỦ TRƯỞNG
TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ PHỐI HỢP THỰC HIỆN**
(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)